

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thành N.**

2. Ông **Lê Văn T.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Q** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích D** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 376/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Ngọc H**, sinh năm 1970 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: Số 7, khu phố Sân C, phường Long Thành B, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1971 (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: Số 7, khu phố Sân C, phường Long Thành B, thị xã Hòa T, tỉnh Tây N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 08/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 1995 do tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con tên Lê Trần P, sinh năm 1995 và Lê Trần Đ, sinh năm 1998. Nếu ly hôn, các con đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn như chị H trình bày. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu được ly hôn, anh Tùng cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con như chị H trình bày. Nếu ly hôn, các con đã thành niên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị H, bị đơn là anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét thấy, chị H và anh T chung sống như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng vẫn không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh T.

Về con chung: Cháu Lê Trần P, sinh năm 1995 và Lê Trần Đ, sinh năm 1998 đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Lê Thanh T là bị đơn có nơi cư trú tại nhà số 7, khu phố Sân C, phường Long Thành B, thị xã Hòa Th, tỉnh Tây N nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa T, tỉnh Tây N thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Trần Ngọc H; bị đơn là anh Lê Thanh T có đơn yêu cầu

xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T là đúng với quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, hôn nhân là do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị Huệ và anh Tùng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh T đều yêu cầu được thuận tình ly hôn, tuy nhiên do chị H, anh T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn hay đoàn tụ mà tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Cháu Lê Trần P và Lê Trần Đ đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Ngọc H và anh Lê Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Lê Trần P, sinh năm 1995 và Lê Trần Đ, sinh năm 1998 đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008947 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- CC.THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.